

Số: 02/2019/QĐST-KDTM

T1, ngày 24 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 16/TB - TLVA ngày 01 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Trụ sở: Số XY, phố BT, phường HB, Quận H, Thành phố H1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Trần Đình C - Chức vụ: Giám đốc công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Q.

Người được ủy quyền - Ông Huỳnh Tuấn V - Chuyên viên xử lý nợ.

Ông Mai Anh T - Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Số XY, phố BT, phường HB, Quận H, Thành phố H1.

** Bị đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1950 (chồng bà L là ông Phan Văn L1, sinh năm 1948 (đã mất năm 2013) (Bà L có mặt).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Tô Văn Tr, sinh năm: 1972;
- Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1972 (là vợ ông Tr);
- Ông Phan Văn H2, sinh năm: 1954;
- Bà Tô Thị H3, sinh năm: 1956 (là vợ ông H2)
- Ông Phan Mạnh T2, sinh năm: 1950;
- Bà Mai Thị K, sinh năm: 1952 (là vợ ông T2)

Đều địa chỉ: Thôn HM, xã NC, huyện T1, Thái Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Trần Thị L đồng ý thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi cho ngân hàng TMCP Q là 1.518.121.142 đồng (Một tỷ năm trăm mười tám triệu một trăm hai mươi một nghìn một trăm bốn mươi hai đồng) theo 02 hợp đồng tín dụng số 024/11/HĐTD/105-59 ngày 16/3/2011 và hợp đồng tín dụng số 0242/HĐTD/105 - 59 ngày 29/3/2011 (tính đến ngày 16/9/2019). Trong đó nợ gốc là 275.000.000 đồng. Nợ lãi: 579.828.372 đồng. Lãi quá hạn: 663.292.770 đồng. Phương án trả nợ là chia thành 12 tháng, mỗi tháng bà L thanh toán số tiền là: 126.510.095 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu năm trăm mười nghìn không trăm chín mươi lăm đồng) Trong đó 22.917.000 đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm mười bảy ngàn đồng) là tiền nợ gốc. Ngày trả là vào ngày mùng 10 hàng tháng. Thời hạn trả nợ cuối cùng là 16/9/2020. Kể từ ngày 17/9/2019 đến khi bà L thanh toán xong các khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, hàng tháng bà L còn phải thanh toán tiền lãi theo 02 hợp đồng tín dụng mà bà L đã ký kết với Ngân hàng TMCP Q theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bà Trần Thị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý 04 tài sản bảo đảm như sau:

Tài sản thứ nhất: Thửa đất số 245 tờ bản đồ số 01 đo đạc năm 1995 tại Thôn HM, xã NC, huyện T1, Thái Bình có diện tích 330m². Đất đã được UBND huyện T1 cấp GCNQSDĐ số AK253594 cấp ngày 27/3/2009 mang tên Trần Thị L và Phan Văn L1. Hợp đồng thế chấp số 024/11/HĐTC - BDS/105 - 59 ngày 16/3/2011.

Tài sản thứ hai: Thửa đất số 2835(3) tờ bản đồ số 05 đo đạc năm 1990 tại Thôn ĐC, xã ĐC, huyện T1, Thái Bình có diện tích 105,3m². Đất đã được UBND huyện T1 cấp GCNQSDĐ số AC489965 cấp ngày 13/12/2005 mang tên Tô Văn Tr và Phạm Thị N. Hợp đồng thế chấp số 019B/2009/HĐTC - 105143 ngày 27/3/2009.

Tài sản thứ ba: Thửa đất số 213 tờ bản đồ số 01 tại Xóm x, xã NC, huyện T1, Thái Bình có diện tích 400m². Đất đã được UBND huyện T1 cấp GCNQSDĐ

số H183157 cấp ngày 19/12/1995 mang tên Phan Văn T2. Hợp đồng thế chấp số 019C/2009/HĐTC - 105143 ngày 27/3/2009.

Tài sản thứ tư: Thửa đất số 202 tờ bản đồ số 01 tại Xóm x, xã NC, huyện T1, Thái Bình có diện tích 390m². Đất đã được UBND huyện T1 cấp GCNQSDĐ số H183108 cấp ngày 19/12/1995 mang tên Phan Văn H2. Hợp đồng thế chấp số 019D/2009/HĐTC - 105143 ngày 27/3/2009.

3. Về án phí:

Bà Trần Thị L là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn phần án phí phải nộp. Bà Trần Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên phải nộp thay Ngân hàng TMCP Q Việt Nam số tiền án phí là: 36.000.000 đồng + (3% x 718.121.142 đồng) : 2 : 2 = 14.385.909 đồng (Mười bốn triệu ba trăm tám mươi năm nghìn chín trăm linh chín đồng).

Ngân hàng TMCP Q Việt Nam không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q Việt Nam số tiền 36.500.000 đồng (Ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009193 ngày 22/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Thái Bình.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T1;
- Chi cục THA Dân sự huyện T1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đồng Ngọc Huyền